

VỊ THẾ CỦA QUỐC GIA ĐẠI VIỆT VÀ THÔNG ĐIỆP VỀ SỰ BANG GIAO IN DẤU TRONG TRÒ XUÂN PHẢ

TS. HOÀNG MINH TƯỜNG

TÓM TẮT

Trò Xuân Phả là một trong những trò diễn tiêu biểu ở xứ Thanh, lưu dấu quá khứ hào hùng, công cuộc dựng nước và mở nước của cha ông ta thời quốc gia độc lập tự chủ Đại Việt. Trải qua thời gian với nhiều thăng trầm và biến cố trong lịch sử, nhưng trò Xuân Phả vẫn được lưu giữ và trao truyền khá nguyên vẹn như những gì từng hiện hữu trước đây.

Từ khóa: Trò diễn, trò Xuân Phả

ABSTRACT

Xuân Phả game is a typical traditional performing art in Thanh Hoa province. It has sparkling clues of the establishment and expanding of our country in Đại Việt period. After up and down of time, Xuân Phả game is still kept and transmitted many authentic elements.

Key words: Performing art, Xuân Phả game

Làng Láng, sau này gọi là làng Xuân Phả nay thuộc xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá từ xa xưa đã từng nổi tiếng với 5 điệu múa trò rất đặc biệt, đó là: Hoa Lang, Tú Huân (Lục Hồn Nhung), Ai Lao, Ngô Quốc và Xiêm Thành (Chiêm Thành). Trò Xuân Phả còn có tên gọi khác là "Lân Bang Ngũ Quốc Đồ Tiến Cống" là một tổ hợp hát múa dân gian đặc sắc, mang đậm chất cung đình chỉ riêng có ở đất Xuân Trường, miền Thanh.

Về nguồn gốc trò làng Láng - Xuân Phả theo cụ Đổ Ốm (người đã có công sưu tầm và khôi phục trò diễn) và truyền thuyết, thần tích tục thờ Thành hoàng của làng Đại Hải Long Vương, cho biết: vào thời vua Đinh, đất nước có nạn giặc ngoại xâm, nhà Vua sai sứ giả đi khắp nơi cầu bách linh, bách tính và hiền tài cùng nhau đứng lên đánh giặc cứu nước. Khi sứ giả đi đến bờ sông Chu thì gặp giống tổ phải trú lại trong Nghè Xuân Phả. Đến đêm, linh thần - Thành hoàng làng Xuân Phả báo mộng về cách phá giặc, sứ giả vội về bẩm báo lại với nhà Vua. Vua thấy kế hay nên làm theo và quả nhiên thắng trận. Đất nước lại được bình yên. Để tỏ lòng biết ơn Thành hoàng làng Xuân Phả, nhà vua đã ban tặng cho thần là Đại Hải Long Vương Hoàng Lang Tướng

Quân và thưởng những điệu múa hát hay nhất cho làng. Đó là các điệu: Ai Lao, Ngô Quốc, Chiêm Thành, Hoa Lang và Lục Hồn Nhung và được múa trong hội làng vào các ngày 10 - 11 tháng Hai Âm lịch tại sân Nghè thờ Thành hoàng làng Xuân Phả, chứ không phải diễn trò tại chùa Tậu như bây giờ.

Trong hội lễ làng Xuân Phả, ngày đầu tiên dân làng tổ chức Kéo hội, tiếp đó là cuộc thi chạy cướp thẻ do hai giáp trong làng cử những thanh niên trai tráng vận áo đỏ và xanh thực hiện. Trước tiên, đám trai đình tụ họp trước nghè, lúc đầu dàn quân hình chữ "á" đi vào, sau đó chạy lồng vào nhau hình chữ "ất" ba vòng. Sau khi thực hiện xong các nghi lễ tấu cáo Thành hoàng thì tổ chức thi chạy giải. Người giáp nào giật được giải thì họ tin rằng năm đó sẽ gặp nhiều may mắn, phần thưởng cho trai đình là hũ rượu và mấy vuông khăn vải đỏ. Theo trình tự đã quy định, sau lễ tế Thành hoàng Đại Hải Long Vương và chạy giải, ngày mùng 10 các con trò trình diễn trò Hoa Lang, Ai Lao, Tú Huân và sang ngày 11 diễn trò Chiêm Thành và Ngô Quốc.

Với điệu Hoa Lang, đi đầu là con kỳ lân, thực ra giống con thủy quái ở biển, múa sát đất như bơi lội. Đoàn người Hoa Lang có cô gái Việt ra đón tiếp với



Trò Chiêm Thành - Ảnh: Tác giả

các nhân vật ông Chúa, mẹ nàng và 10 quân. Trang phục gồm áo dài, đầu đội mũ cao da bò, tay cầm quạt và mái chèo, đeo mặt nạ cũng làm bằng da bò phết sơn trắng, mắt có lông công. Mũ Chúa được chạm rồng, chạm mặt nguyệt. Ông Chúa và quân tay đeo hoa giấy ngũ sắc, cầm khăn đỏ, đôi quạt, chân đi bít tất, bỏ quần dài. Ngựa hai con đan bằng nứa bịt giấy lồng vào người ngựa. Đoàn người vừa múa, vừa hát:

...Trò tôi ở bên Hoa Lang

Tôi nghe chính đức tôi sang chèo chầu

...Chúc mừng tuổi vua vạn niên

Ngai rồng ngự trị dân yên thái hòa

Kết thúc trò là điệu múa chèo thuyền, đoàn người vượt biển đến tiến cống rồi trở ra biển để tiếp tục cuộc hành trình.

Điệu Ai Lao, thể hiện đoàn vương quốc Vạn tượng xưa do đích thân vua vào chúc mừng. Đi đầu là voi và hổ múa cùng những người thợ săn theo tiếng xênh tre gõ nhịp liên hồi. Vua Ai Lao đầu đội mũ cánh chuồn, mặc áo chàm xanh, tuổi già đường xa nên có người theo sau đấm lưng. 10 quân (hai người sau cùng gánh cỗ cho voi) đội mũ rế si, quần phá ngang vai, chân mang xà cạp và tay cầm xênh tre xếp thành hai hàng với những điệu múa mô phỏng việc săn bắn hái lượm rất

uyên chuyển.

Điệu Tú Huân còn gọi là Lục Hồn Nhung, trang phục trò Tú Huân đầu đội mũ làm từ tre, đeo mặt nạ gỗ miêu tả bà cố, mẹ và 10 người con. Mũ tre đan như rế nổi úp ngược, có lạt tre làm tóc bạc, đội trên miếng khăn vuông vải đỏ bịt đầu tóc. Mặt nạ gỗ sơn trắng vẽ mắt mồm màu đen rất "kinh dị". Mặt bà cố nhăn nheo, mặt người mẹ thì già nua còn 10 người con được chia thành 5 cặp, mặt vẽ theo độ tuổi từ trẻ đến già với 1,2..5 cái răng. Vào Nghinh môn đoàn trò vẫn đứng trong màn quây. Nghe hồi trống, màn quây mở đoàn trò lộ ra với hai hàng dọc. Cụ cố già cổ đeo túi trâu, người hầu bên cạnh cầm quạt, lượn hai vòng quanh sân nghè, vái chào rồi đi vào. Đoàn trò vào sân nghè, bà mẹ gõ xênh nhảy theo nhịp ba, gấn ban thờ, quỳ vái, đứng dậy nhảy lùi xuống. Theo nhịp trống, 10 con chia thành từng đôi, xếp hai hàng, tiến lùi theo mẹ, mỗi lần nhảy lại hú lên, khi hát thì xoạc chân chèo, và gõ phách theo nhịp múa.

Điệu Chiêm Thành, thể hiện đoàn sứ của vương quốc Champa tới chúc mừng, gồm có ông Chúa, bà Nàng, một người hầu, hai phổng hầu, và 16 quân. Áo chúa bằng đậu, áo quân bằng lụa, đều nhuộm màu đỏ hồng và không thêu thùa hoa văn. Chúa và quân vẫn khăn vuông đỏ thành hai sừng thẳng

đứng trên đầu. Áo phồng là cổ sồi, cổ xiêm quần xung quanh mình. Sau khi Chúa đọc văn tế và hai phỗng dâng hương đoàn quân, ngậm mặt nạ gỗ kỳ dị, bắt đầu nhảy múa thành hai hàng. Khi đứng, khi quỳ khụy, các tư thế chuyển nhanh và cương hoạch như các thế võ, các thế tay vịn ngược không khác gì các tư thế trong các tượng Chăm cổ xưa.

Điệu Ngô Quốc chính là đoàn múa của người Trung Hoa. Nhân vật trong trò này có hai nàng tiên, ông chúa và mười quân đầu đội nón lính, áo màu lam, tay cầm mái chèo ăn mặc như người Mãn Thanh. Mở đầu xuất hiện nhân vật người bán thuốc, người bán kẹo và thầy địa lý. Lang y mặc theo lối khách Tàu, đi giày Tàu, cầm dao cẩu và đeo rương thuốc nhỏ. Thầy địa lý áo khách màu xanh, tay cầm la bàn, đeo khăn gói đỏ. Anh bán kẹo mặc áo khách xanh, có sàng đeo ở cổ, trong sàng bày bát đĩa, 4 con xúc sắc, mấy đồng tiền, mấy cái kẹo, họ múa một đoạn ngẫu hứng rồi nhường chỗ cho các nàng tiên cùng chúa và đoàn quân đi ra. Màn diễn gồm các điệu múa quạt, múa khăn rồi múa mái chèo. Kết thúc trò cũng là điệu chèo thuyền với lời ca lưu luyến:

... Một đêm có năm trống canh
Têm trầu quấn thuốc cùng anh trong nhà
Năm trống canh anh ngủ có ba
Còn hai canh nữa anh ra trông trời
Gió tắm tấp buồm chạy ra khơi
Chàng về Bắc quốc, em thời An Nam
Mưa đầu chớp dấy cho cam
Mưa qua thành Lạng chớp ngàn mây xanh...

Trong năm điệu múa, thì chỉ ba điệu Chiêm Thành, Hoa Lang và Tú Huân có mặt nạ, đặc biệt trò Chiêm Thành và Hoa Lang người múa không đeo, mà ngậm mặt nạ nửa mặt bởi một chốt gỗ vào miệng. Điệu Tú Huân, Hoa Lang và Ngô Quốc có bài hát, và riêng hai đoàn Hoa Lang và Ngô Quốc có nữ là người Việt ra tiếp đón.

Văn hoá nói chung, trò diễn nói riêng là bức tranh phản ánh hiện thực lịch sử, cho dù hư cấu và ước lệ đến đâu đi nữa thì trò diễn cũng chứa đựng cốt lõi của hiện thực cuộc sống và thời đại. Vì vậy, có thể nói từ trò Xuân Phả và ở một chiều cạnh nào đó, hiển hiện bức tranh của một thời đã qua hội tụ vào loại hình nghệ thuật hát múa. Trò Xuân Phả mô tả cảnh năm phương đến chầu, múa hát những tiết mục nghệ thuật đặc sắc của các quốc gia chúc mừng nhà vua và triều đình Đại Việt sau chiến thắng ca khúc khai hoàn hoặc trong một cuộc đại lễ long

trọng. Căn cứ vào truyền thuyết và thần tích thần Long Hải Đại Vương, có ý kiến cho rằng, trò Xuân Phả có từ thời nhà Đinh do Thành hoàng làng Láng có công giúp vua phá giặc và được nhà vua ban, cho truyền dạy những điệu múa hát hay nhất cho làng. Song theo quan điểm của chúng tôi, trò Xuân Phả khởi đầu từ thời Đinh và được thăng hoa vào thời Lê sơ. Nói như vậy có trung dung hay không? Qua khảo sát các trò diễn trên đất tỉnh Thanh và những địa phương còn lưu giữ các trò diễn với những nét khá tương đồng với làng Láng cho thấy, trò Xuân Phả thời Lê Sơ có bước phát triển khá hoàn thiện, bổ sung và in dấu cho đến tận hôm nay.

Trò Xuân Phả mang đậm dấu ấn của lịch sử và đời sống xã hội thời Lê sơ điều đó hoàn toàn có căn cứ. Thông điệp của người xưa gửi lại cho thế hệ muôn sau còn in rõ trên Lam Sơn Vĩnh Lăng Bi (Bia Vĩnh Lăng, Lam Sơn) là tấm bia thời Lê sơ ở lăng vua Lê Thái Tổ xã Xuân Lam, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa. Văn bia do anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi soạn thảo vào năm Thuận Thiên thứ 6 (1433), ngay sau khi vua Lê Lợi qua đời và được táng ở Vĩnh Lăng. Sau chiến thắng quân Minh uy thế của nước Đại Việt được các nước lân bang nể phục: "Hai nước từ đó thông sứ hòa hảo. Nam, Bắc yên việc. Mang Lễ, Ai Lao, đều vào bản đồ. Chiêm Thành, Đồ Bà, vượt bể đến cống". Lãnh thổ được mở rộng qua việc sát nhập vùng Mường Lễ, Ai Lao (vùng Thanh Hóa, Nghệ An giáp với Lào) và đặc biệt một số nước trong khu vực như Chiêm Thành, Đồ Bà (Có lẽ là Java thuộc Indonesia ngày nay) đều cho tàu thuyền sang cống nạp. Hai nước Trung Hoa và Đại Việt từ đó thông hảo, Bắc Nam yên ổn. Sự kiện ghi trên văn bia chính là vương triều Lê Sơ với người đứng đầu là Lê Thái Tổ sau khi khai hoàn, khẳng định vị thế và vai trò của nền quân chủ phong kiến sau khi giành lại nền tự chủ.

Sau thắng lợi của sự nghiệp bình Ngô, vương triều hậu Lê được thiết lập, Lê Thái Tổ cho xây Lam Kinh quê cha, đất tổ với nhiều công trình lớn như cung điện, sân rồng, ngọc hồ, lăng miếu... Hàng năm, các vua cùng tôn thất, hoàng thân quốc thích, các đại thần về Lam Kinh giỗ tổ, tế lễ các tiên vương. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, chính hoàng đế Thái Tông "tưởng nhớ công lao của tiền bối, sáng tác điệu vũ bình Ngô". Tài liệu ghi chép về lễ hội Lam Kinh không nhiều, nhưng cho biết, tại đây vũ khúc "Bình ngô phá trận" và "Chư hầu lai triều" đã được trình diễn ít nhất hai lần. Sự việc này đã

được ghi lại khá cụ thể: Năm Thái Hòa thứ 7 (1449) "Mùa xuân tháng Giêng ban yến cho quan, múa nhạc bình Ngô. Công hầu có người xúc động phát khóc" (Đại Việt sử ký toàn thư). Bảy năm sau (1456), vua Nhân Tông trong dịp về Lam Kinh bái yết sơn lăng, đã cho đánh trống đồng "diễn khúc bình Ngô phá trận" và "Chư hầu lai triều". Nội dung của các vũ khúc này đều nhằm ca ngợi công lao của tiền bối trong việc bình Ngô, giữ nước. "Bình Ngô phá trận" và "Chư hầu lai triều" là hai trò diễn được Nguyễn Trãi biên soạn để phục vụ cung đình nhà Lê. Hai trò diễn này trải thời gian đã bị mai một và không được bảo lưu trọn vẹn, tuy nhiên nó đã có những ảnh hưởng sâu rộng. Theo GS. Đào Duy Anh thì "tàn tích của khúc múa Chư hầu lai triều là điệu múa Xuân Phả ở Thọ Xuân, Thanh Hoá...".

Những mảnh vỡ của "Bình Ngô phá trận" và "Chư hầu lai triều" trên đất tỉnh Thanh khá phong phú và đa dạng về cách trình diễn. Tìm hiểu, nghiên cứu, phân tích loại hình nghệ thuật diễn xướng và trò diễn xứ Thanh cho thấy, dấu vết trò Xuân Phả còn tìm thấy ở một số nơi khác như trò Tú Huân còn có ở Quảng Xương, Hoàng Hóa, Đông Sơn. Trò Hoa Lang, Ai Lao, Chiêm Thành, trò Ngô,... đọng lại ở trò Rún, trò Cổ Bôn ở Đông Sơn,...

Tại nghề Sâm (Rún) Viên Khê, Đông Sơn có "Ngũ trò". Gọi là Ngũ trò Viên Khê nhưng không phải là 5 trò mà thực tế gồm 11 trò. Trò không có hát là: Xiêm Thành, Tô Vũ, Hùm (còn gọi là trò Văn Vương). Trò có hát là: Múa đèn, Trống Mỗ, Hà Lan, Thiếp, Thủy, Ngô và Tú Huân. Về trò diễn Viên Khê, theo *Địa chí huyện Đông Sơn* (Nhà xuất bản Khoa học xã hội, năm 2010) cho biết: Thời Lê sơ có ông Nguyễn Mộng Tuân, sinh ra tại làng Viên Khê là công thần khai quốc của nhà Lê, làm thơ phú nổi tiếng. Khi trở về quê nhà ông đã truyền dạy lại cho dân làng các điệu múa Xiêm Thành, Hoa Lang, Tú Huân, Ngô Quốc. Khi ông mất, dân làng xây đền thờ ông làm Thành hoàng, hàng năm mở lễ hội dân làng lại trình diễn bốn trò này trên nền áng của làng. Theo các nghệ nhân, việc trình diễn trò Thủy là để chúc mừng và ca ngợi cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo năm 1418. Nghe lời bàn của Nguyễn Chích, để mở rộng địa bàn hoạt động về phía Nghệ An, tăng cường lực lượng tấn công giặc, do đường bộ vào Nghệ An khó khăn, Lê Lợi cho đào sông để lấy đường tiến quân. Sau khi chiến thắng quân Minh, dân chúng nhớ ơn vua Lê nên hàng năm tổ chức hội trò, diễn tả lại cuộc hành binh theo đường

sông nước của nghĩa quân vào Nghệ An.

Làng Cổ Bôn (xã Đông Thanh huyện Đông Sơn) thờ bốn vị thần hoàng trong đó có hai vị nhân thần Nguyễn Văn Nghi, hiệu là Phúc Khê tướng công và Nguyễn Khải, hiệu là Đức thánh Hẹ là công thần của nhà hậu Lê. Trong bản khoán văn trò Tứ Bôn có ghi: "...khoá trò năm Tân Ty, làng Ngọc Tích phải diễn Trò Ngô, trò Hoa Lang; làng Kim Bôi phải diễn trò Tiên, trò Ngô, trò Hoa Lang...".

Trò diễn Tú Huân - một trong những lễ thiết triều hàng năm vẫn được các nghệ nhân xã Quảng Yên và một số làng xã ở các huyện Tĩnh Gia, Hoàng Hoá... lưu giữ đến ngày nay.

Trò Ngô phản ánh một số sự kiện và nhân vật lịch sử thời Lê cũng khá phổ biến ở Thanh Hoá, đó là: Ngô Phường ở Đông Thanh (Đông Sơn) phản ánh việc sứ Ngô sang cung tiến Thành hoàng nước Nam; Ngô Quốc ở Đông Anh (Đông Sơn) phản ánh người Ngô làm nghề buôn bán (Ngô già bán keo); Trò Ngô ở Chí Cường (xã Thiệu Quang, huyện Thiệu Hóa) tả cảnh sứ Ngô sang tiến cống, vì ngông nghênh hợm hĩnh bị nhân dân phê phán đả kích; Trò Ngô ở Đông Thịnh (Đông Sơn) cũng phản ánh người Ngô hành nghề ở nước ta.

Về "Bình Ngô phá trận", mảnh vỡ ấy đến nay còn đọng lại ở phường Đông Vệ và Quảng Thắng, thành phố Thanh Hoá là khu vực có đền vua Lê. Trước kia, từ mùng 5 đến mùng 8 tháng Giêng dân làng Vệ Yên (Quảng Thắng) thường tổ chức trò "chạy chữ", kết thành 4 chữ Hán "Thiên hạ thái bình". Trai tráng tập trung chia làm 2 phe, quân ta và quân Ngô dàn thế trận giao chiến với nhau. Có hai viên chỉ huy cầm cờ giáp chiến, phía sau là cả đoàn lực sĩ hò reo, múa cờ, giáo mác. Sau một hồi múa - giao chiến bao giờ quân Ngô cũng phải thua, tháo chạy. Quân ta đuổi sát, dồn quân và xếp thành chữ "Thiên hạ thái bình", trò diễn đề cao công đức của Thái tổ cao Hoàng đế Lê Lợi.

Khảo sát, tham dự và nghiên cứu trò Xuân Phả cho thấy: trò làng Láng khởi đầu là nghệ thuật múa và hát lại mang đậm yếu tố cung đình và về sau đã được dân gian hoá. Lễ hội Lam Kinh với những tích trò còn in đậm trong trò làng Láng. Nói về tính chất cung đình được dân gian hoá qua hội lễ Lam Kinh cũng chính là minh chứng để hiểu về dân gian hoá trò Xuân Phả với khởi nguyên là văn hoá cung đình. *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết: hàng năm việc tế lễ ở điện miếu các vua Lê và Hoàng thái hậu ở Lam Kinh được tổ chức "thành kính, tinh khiết" theo nghi

thức lễ hội cung đình do triều đình tổ chức. Vũ khúc "Bình Ngô phá trận" do chính hoàng đế Thái Tông sáng tác, nhằm đề cao, tôn vinh sự nghiệp của tiên đế. Diễn thức cung đình của lễ hội không cho phép sự tham gia của dân chúng. Chính vì vậy, khi xa giá vua đến Lam Kinh, dân chúng hát múa điệu Rí ren: con gái, con trai ôm lưng bá cổ nhau theo kiểu chồng nọ chồng kia liền bị các quan trong triều coi là dung tục bèn cấm hẳn.

Sự suy vong của vương triều hậu Lê, cùng với sự ra đời của các vương triều kế tiếp và những biến cố của lịch sử giai đoạn từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX, đưa đến sự hoang phế của khu điện miếu Lam Kinh; sự ra đời của điện miếu các vua Lê trên đất Hạc Thành, khu đền thờ các vua Lê do dân Làng Cham dựng nên... đã làm cho lễ hội Lam Kinh từ lễ hội cung đình trở thành lễ hội dân gian. Tại đây, các hình thức diễn xướng được tiến hành như trò chạy chữ "thiên hạ thái bình", hội trận đền Lê dẫn được dân gian hoá, thay vì triều đình là chủ lễ, giờ đây người dân là chủ thể với sự tham gia đông đảo trong các kỳ lễ hội, tính chất cung đình bị nhạt nhòa còn tính dân gian ngày thêm khởi sắc. Tuy vậy, dù lễ hội cung đình hay dân gian và thời đại có thể đổi thay, nhưng sự tôn vinh anh hùng dân tộc, uống nước nhớ nguồn trong dòng chảy truyền thống văn hoá Việt vẫn là cơ sở để lễ hội và trò diễn duy trì và trường tồn cùng năm tháng.

Xuân Phả miền đất của hai vua Lê Hoàn và Lê Lợi, nơi có nghề thờ Long Hải Đại vương in dấu ấn vua Đinh, miền quê của kinh đô Vạn Lại - Xuân Trường suốt thời kỳ Lê Trung hưng... nét hào quang của lịch sử và văn hoá dân tộc thời các vương triều trong lịch sử phong kiến độc lập, tự chủ Đại Việt đã từng kết tụ ở làng quê này để sản sinh ra hệ thống trò diễn độc đáo đọng lại ở trò Xuân Phả. Chính không gian văn hoá của Trung Lập - quê hương vua Lê Đại Hành, Lam Kinh - đất phát tích nhà hậu Lê đã tích hợp nét văn hoá đặc sắc của miền đất địa linh, nhân kiệt trong suốt nhiều trăm để đột khởi và phát sáng trò diễn đặc sắc này. Không những thế trò Xuân Phả còn toả lan và không ngừng vận động, nâng cao khi du nhập sang các làng trò khác (đặc biệt là các làng lân cận và các làng có công thần triều Lê) ở xứ Thanh.

Trò Xuân Phả phản ánh một thời kỳ hưng thịnh của vương triều Lê sơ sau cuộc kháng Minh thắng lợi, ca khúc khai hoàn. Trò Hoa Lang (Hà Lan) diễn tả người Hoa Lang sang cống tiến vua Lê; Trò Tú

Huân mô phỏng hình dáng của một tộc người tới từ hải đảo xa xôi; Trò Ai Lao, trò Ngõ cũng mang sắc phục của các nước lân bang sang cống tiến vua Đại Việt, vì vậy trò Xuân Phả chính là thông điệp về sự giao hảo của quốc gia độc lập tự chủ với các nước trong khu vực và vị thế của Đại Việt thời bấy giờ khiến cho "lân bang ngũ quốc đồ tiến cống". Theo nhận xét của một số nhà nghiên cứu, trò Xuân Phả gần giống với điệu Cheoyongmu (múa mặt nạ) của người Hàn Quốc hay một "lễ hội hóa trang" của người phương Tây.

Về sự xuất hiện của hệ thống trò Xuân Phả và sự lan toả của trò này ở một số địa phương, nhà nghiên cứu lịch sử và văn hoá Phan Bảo ở thành phố Thanh Hoá và một số người khác cho rằng: múa "Ngũ quốc đồ tiến cống" là do ông Trịnh Quý Thuật, con thứ chín của ông Trịnh Khả - công thần cuộc khởi nghĩa Lam Sơn đem về Xuân Phả, ông Nguyễn Mộng Tuân, vị quan thời Lê Sơ đã truyền dạy trò cho làng Viên Khê, Đông Sơn. Như vậy, số trò trong múa Ngũ quốc về cơ bản có từ thế kỷ XV, song có trò mãi tới thế kỷ XVII mới xuất hiện như trò Hoa Lang (Hà Lan). Chỉ vào thời Lê Trung hưng mới có các thương thuyền Hà Lan đến quan hệ với hàng Ngoài, chính vua Lê Thần Tông vì tình hòa hiếu giao hảo giữa Đại Việt và vương quốc Hà Lan, đã kết hôn với bà vợ là người Hà Lan. Trò Xuân Phả hình thành và hoàn thiện dần trong quá trình hội lễ và lịch sử, trong đó điệu múa Lục hồn Nhung và hai điệu Chiêm Thành, Ai Lao có lẽ cổ xưa nhất.

Trò Xuân Phả là ảnh xạ của lịch sử về việc tiến cống, chào mừng của những nước lân bang và thể hiện khát vọng độc lập tự chủ, hùng cường Đại Việt. Tích trò và nội dung của năm điệu múa làng Láng chính là hồn cốt của dân tộc, thông qua lời ca và những điệu múa cổ chứa đựng những thông tin của một thời đã qua, phản ánh quá khứ hào hùng, vị thế của quốc gia và sự bang giao của người Việt với các nước trong khu vực và quốc tế./.

H.M.T

Tài liệu tham khảo

- 1- Hoàng Minh Tường (1993), "Về trò Xuân Phả", *Tạp chí Văn hoá Nghệ thuật*, số 3.
- 2- Phan Cẩm Thượng, *Trò Xuân Phả*, <http://huc.edu.vn/chitiet/260/.html>
- 3- Trần Thị Liên, "Diễn xướng dân gian thời Lê và việc khôi phục lễ hội Lam Kinh", <http://www.baothanhhoa.vn/vn/van-hoa/n26338>.

(Ngày nhận bài: 18/7/2014; Ngày phản biện đánh giá: 6/8/2014; Ngày duyệt đăng bài: 21/8/2014)